TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-PT.
Ngày: 03-01-2023
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chia tài sản chung quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà M Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2022 và ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 478/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chia tài sản chung quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Tuyết M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Sò Đo, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị Tuyết M: là ông Trần Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: số 144 ấp 2, xã Mỹ Thạnh, huyện T , tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021).

2. Bị đơn

2.1. Bà Phùng Thị D, sinh năm 1980

2.2. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1976

2.3. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, ông T và bà C là: Bà Phùng Thị Anh Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ô6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2022).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp Sò Đo, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K là: ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp Vĩnh Bửu, xã V, huyện T1, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022).

3.2. Bà Phùng Thị L, sinh năm 1977

3.3. Bà Phùng Thị Kim L, sinh năm 1983

3.4. Bà Phùng Thị Anh Đ, sinh năm 1988

3.5. Bà Phùng Thị Hồng T, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Bình, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L, bà Thắm là: Bà Phùng Thị Anh Đ (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022).

3.6. Ủy ban nhân dân xã H.

Trụ sở: Ấp Tân Bình, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Hồ Trường Ca - Chức vụ: Chủ tịch.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Trụ sở: Ô7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Trường C - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền là: ông Trương Văn Đô - Chức vụ: Phó trưởng Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Theo giấy ủy quyền số 1607/UBND - NC ngày 23/02/2022).

4. Người kháng cáo: Bà Phùng Thị Tuyết M, bà Phạm Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Phùng Thị Tuyết M ngày 15/02/2022 và những lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa do ông Trần Văn T đại diện bà Phùng Thị Tuyết M trình bày: Ông Phùng Văn Châu chết năm 2009 có vợ là bà Phạm Thị K. Ông Châu và bà K chung sống với nhau từ năm 1968 là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống bà K và ông Châu có 01 người con chung tên là bà Phùng Thị Tuyết M. Trong thời kỳ hôn nhân với bà K, ông Châu có chung sống với bà Bùi Thị C có 5 người con là Phùng Thị L, Phùng Thị D, Phùng Thị Kim L, Phùng Thị Anh Đ, Phùng Thị Hồng T. Quá trình sống chung thì bà Phạm Thị K và ông Phùng Văn Châu có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.694m^2, loại đất LM xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/6/1996 do Phùng Văn Châu đứng tên.

Ngày 01/01/2007, ông Phùng Văn Châu lập Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218 cho bà Phùng Thị D và ông Nguyễn Trung T diện tích 292m^2. Hợp đồng do UBND xã H, huyện Đ chứng thực. Bà Phùng Thị D và ông Nguyễn Trung T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/2007.

Ngày 17/6/2009, ông Phùng Văn Châu tiếp tục lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị C phần còn lại của thửa đất số 218, diện tích 2.402m^2. Hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực. Bà Bùi Thị C được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2009.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 ngày 01/7/2007 và Hợp đồng số 175 ngày 17/6/2009 do Ủy ban nhân dân xã H chứng thực là trái pháp luật do đối tượng của hợp đồng tặng cho tại thửa đất số 218 là tài sản chung của bà K và ông Châu, nhưng không có sự định đoạt của bà K là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà K. Do đó Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 và số 175 tại Ủy ban nhân dân xã H là trái pháp luật nên có căn cứ vô hiệu ngày từ lúc xác lập.

Nay bà Phạm Thị Tuyết Mai khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết nội dung sau:

1. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 ngày 01/01/2007 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H giữa ông Phùng Văn Châu với bà Phùng Thị D, ông Nguyễn Trung T đối với một phần thửa đất số 218, diện tích 292m^2.

2. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 175 ngày 17/6/2009 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H giữa ông Phùng Văn Châu với bà Bùi Thị C đối với một phần thửa đất số 218, diện tích 2.402m^2.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL372557, số vào sổ H02343, cấp ngày 19/11/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho Phùng Thị D và Nguyễn Trung T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP814148, số vào sổ H00386, cấp ngày 14/7/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho Bùi Thị C.

Do ông Phùng Văn Châu chết không để lại di chúc nên bà Phùng Thị Tuyết M yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Phùng Văn Châu theo quy định pháp luật. Cụ thể, di sản của ông Phùng Văn Châu là ½ thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2 xã H diện tích 1.347m^2. Ông Châu có 07 đồng thừa kế là bà Phạm Thị K, bà Phùng Thị Tuyết M, bà Phùng Thị L, bà Phùng Thị D, bà Phùng Thị Kim L, bà Phùng Thị Anh Đ và bà Phùng Thị Hồng T. Di sản của ông Châu chia cho 07 đồng thừa kế, mỗi suất thừa kế là 192,4m^2. Bà Phùng Thị Tuyết M yêu cầu chia thừa kế một phần đất của ông Phùng Văn Châu có diện tích 192,4m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K có đơn yêu cầu độc lập do ông Nguyễn Văn Q đại diện trình bày: Chồng bà K là ông Phùng Văn

Châu chết năm 2009. Ông Châu và bà K chung sống với nhau từ năm 1968 là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Khi bà K và ông Châu kết hôn được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng bà K và ông Châu có 01 con chung là Phùng Thị Tuyết M, sinh năm 1970.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà K và ông Châu có khai khẩn được khoảng gần 03 công đất và xây một cái nhà trên phần đất này để hai vợ chồng và con ra ở riêng. Đến khoảng năm 1996, ông Châu có kê khai để được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này nay là thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.694m^2, loại đất LM, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823378 ngày 11/6/1996 do ông Phùng Văn Châu đứng tên. Thời gian này, bà K và con gái Phùng Thị Tuyết M đã được Nhà nước cấp hộ khẩu, chủ hộ là ông Châu.

Trong thời kỳ hôn nhân với bà K, ông Châu có chung sống với bà Bùi Thị C và có 5 người con là Phùng Thị L, Phùng Thị D, Phùng Thị Kim L, Phùng Thị Anh Đ và Phùng Thị Hồng T. Năm 2009, ông Châu chết không để lại di chúc đối với thửa đất nêu trên và các đồng thừa kế cũng không thỏa thuận được với nhau về việc chia di sản thừa kế đối với phần di sản của ông Châu để lại trong khối tài sản chung giữa bà K với ông Châu. bà K và các đồng thừa kế khác của ông Châu đã tranh chấp với nhau kể từ đó cho đến nay tại Uỷ ban nhân dân xã H và Tòa án nhân dân huyện Đ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết thì bà K được biết: Vào ngày 01/10/2007, ông Phùng Văn Châu lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H cho bà Phùng Thị D và ông Nguyễn Trung T một phần thửa đất số 218, diện tích 292m^2, tách thành thửa mới là thửa đất số 568. Bà Phùng Thị D và ông Nguyễn Trung T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL372557 ngày 19/11/2007.

Vào ngày 17/6/2009 ông Phùng Văn Châu tiếp tục lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực 175 tại Ủy ban nhân dân xã H cho bà Bùi Thị C phần còn lại của thửa đất số 218, diện tích 2.402m^2. Bà Bùi Thị C được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2009.

Năm 2012, bà C đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 566m^2, thuộc thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại xã H.

Việc ông Châu chỉ kê khai một mình ông Châu đại diện đứng tên thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.694m^2, loại đất LM, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/6/1996 không đồng nghĩa với việc tài sản này của riêng ông Châu, bởi thửa đất này do bà K và ông Châu khai khẩn tạo lập, thời điểm trước khi cơ quan nhà nước cấp giấy theo luật định là tài sản chung giữa bà K với ông Châu.

Đối tượng của hợp đồng tặng cho là quyền sử dụng thửa đất số 218, là tài sản chung của bà K với ông Châu nhưng không có sự định đoạt của bà K là xâm

phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K. Thời điểm tặng cho theo các hợp đồng nói trên vào các năm 2007, 2009 thì lúc này ông Châu đã lớn tuổi (ông Châu sinh năm 1951, chết vào ngày 01/8/2009) và đã trở bệnh nặng nhưng các hợp đồng này lại chỉ chứng thực chữ ký của ông Châu tại Ủy ban nhân dân xã H là không đảm bảo đúng ý chí của ông Châu.

Do đó Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 và số 175 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H là trái pháp luật nên có căn cứ vô hiệu, nên việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL372557 và số AP814148 dựa trên các hợp đồng tặng cho trên là trái pháp luật nên có căn cứ hủy toàn bộ.

Nay bà Phạm Thị K có yêu cầu độc lập đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như sau:

1. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 276 ngày 01/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H giữa ông Phùng Văn Châu với bà Phùng Thị D và ông Nguyễn Trung T đối với một phần thửa 218, diện tích 292m^2.

2. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 175 ngày 17/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H giữa ông Phùng Văn Châu với bà Bùi Thị C đối với phần còn lại thửa đất số 218, diện tích 2.402m^2.

3. Xác định thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.694m^2, loại đất LM, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A823378 ngày 11/6/1996 cho ông Phùng Văn Châu là tài sản chung chưa chia giữa ông Phùng Văn Châu với bà Phạm Thị K và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của ông Phùng Văn Châu trong khối tài sản chung giữa bà Phạm Thị K và ông Phùng Văn Châu theo quy định pháp luật.

bà K yêu cầu được nhận giá trị của 1/2 thửa đất số 218, tờ bản đồ số 2 tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và một phần thừa kế theo pháp luật của ông Phùng Văn Châu theo giá đã định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 237/18/08/2022/TĐG LA-BĐS ngày 18/8/2022.

Đại diện bà K và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với một phần thửa đất số 218, tờ bản đồ 02 tại xã H với diện tích 566,2 m^2 thuộc Khu B và khu C theo Mảnh trích đo địa chính số 167-2022 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ duyệt ngày 28/6/2022, vì bà C đã chuyển nhượng cho người khác.

Ngoài ra bà M và bà K không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phùng Thị D, ông Nguyễn Trung T, bà Bùi Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phùng Thị L, bà Phùng Thị Kim L, bà Phùng Thị Anh Đ, bà Phùng Thị Hồng T đều do bà Phùng Thị Anh Đ đại diện trình bày: Năm 1976, mẹ bà là Bùi Thị C chung sống với cha bà là ông Phùng Văn Châu sinh ra 05 người con là Phùng Thị D, Phùng Thị Kim L, Phùng Thị L, Phùng Thị Anh Đ và Phùng Thị Hồng T. Khi mẹ bà chung sống với cha bà có biết cha bà có một đời vợ trước tên Khại và có một người con riêng tên Phùng Thị Thuyết Mai nhưng hai người đã tự chia tay khi đó bà M mới sinh. bà K sau khi không còn

chung sống với ông Châu thì đã có người chồng khác vào năm 1976. Năm 2005, cha mẹ bà được ông bà nội cho 2000m^2 đất để cất nhà và canh tác. Năm 2007, ông Châu có bán cho bà Phùng Thị D diện tích đất 292m^2 nhưng làm giấy với hình thức là tặng cho bà D và ông T. Tháng 7/2009, ông Châu tặng cho mẹ bà là bà Bùi Thị C phần đất còn lại. Tháng 8/2009, ông Châu chết. Lúc còn sống ông Châu thường xuyên ốm đau không có tiền điều trị nên có thế chấp đất cho bà Phùng Thị Thanh là em của ông Châu để vay số tiền 80 triệu đồng để điều trị thuốc men. Sau khi ông Châu chết, do không có tiền trả cho bà Thanh nên bà C đã bán 12 mét đất để trả nợ cho bà Thanh và xây mồ mã cho ông Châu. Sau đó, bà M về xin đất nhưng không còn để cho. Vì vậy, bà M khởi kiện bà C đến Ủy ban nhân dân xã H để hòa giải nhưng không thành. Ngoài ra, trước đây ông Châu được thừa kế tài sản của ông nội chết để lại năm 2020 là số tiền 200.000.000 đồng, gia đình bà đã cho bà M số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M cũng như yêu cầu độc lập của bà K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Toàn bộ hồ sơ chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất một phần thửa 218, tờ bản đồ 02 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An giữa ông Phùng Văn Châu với bà Bùi Thị C và bà Phạm Thị Dung được chứng thực vào các ngày 10/7/2007 và ngày 17/9/2009. Trình tự thủ tục được giải quyết đúng theo quy định pháp luật, việc lưu trữ các hợp đồng nêu trên không còn vì Ủy ban nhân dân xã được xây dựng mới nên việc luân chuyển hồ sơ đã bị thất lạc. Ủy ban nhân dân xã H xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn Châu không có lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ nên không có cơ sở cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành hòa giải, nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 649, Điều 650, Điều 660, Điều 651, Điều 623, Điều, Điều 213, Điều 219, Điều 468 và Điều 615 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; chia tài sản chung quyền sử dụng đất và vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" với

bà Bùi Thị C, bà Phùng Thị D, ông Nguyễn Trung T, bà Phùng Thị L, bà Phùng Thị Kim L, bà Phùng Thị Anh Đ và bà Phùng Thị Hồng T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 31/8/2022 bà Phùng Thị Tuyết M, bà Phạm Thị K kháng cáo bản án sơ thẩm, cùng đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Tuyết M và yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị K.

Tại phiên tòa:

Đại diện bà Phùng Thị Tuyết M là ông Trần Văn T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà M vì bà M là con ruột của ông Châu.

Đại diện bà Phạm Thị K là ông Nguyễn Văn Q trình bày: bà K và ông Châu chung sống với nhau từ năm 1968, không có đăng ký kết hôn, có một con chung là bà Phùng Thị Tuyết M. Mặc dù, từ năm 1972 ông Châu và bà K không còn sống chung nhưng chưa ly hôn, vì hôn nhân của ông Châu và bà K là hôn nhân thực tế, quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản chung của ông Châu và bà K. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bà M và bà K thấy rằng, căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K là không có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M và bà K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị K và bà Phùng Thị Tuyết M được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp thừa kế và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Ủy ban nhân dân xã H do ông Hồ Trường Ca đại diện theo pháp luật và Ủy ban nhân dân huyện Đ do ông Trương Văn Đô đại diện theo ủy quyền đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ

Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K thấy rằng:

[2.1]. bà K yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị K với ông Phùng Văn Châu tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Phía bà K cho rằng quyền sử dụng đất này do bà và ông Châu khai khẩn trong thời gian hai người sống chung (năm 1968-1975) nhưng lại không có giấy tờ pháp lý gì để chứng minh, chỉ cung cấp Vi bằng theo lời khai ông Nguyễn Văn Thúc, nhưng ông Thúc cũng không xác định được phần đất mà bà K và ông Châu khai khẩn. Mặt khác, hôn nhân giữa bà K và ông Châu đã chấm dứt từ năm 1970. Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, ông Châu đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/6/1996, nguồn gốc đất là do cha mẹ của ông Châu để lại cho ông Châu. Do đó, bà K cho rằng thửa đất số 218 là tài sản chung của bà K và ông Châu là không có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà K là phù hợp.

[2.2]. Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Phùng Thị Tuyết M đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã H thấy rằng: Theo như phân tích trên thì trước khi ông Châu chết, ông Châu đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất này cho bà Phùng Thị D và bà Bùi Thị C. bà D và bà C đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông Châu chết không còn quyền sử dụng đất để lại nên di sản của ông Châu không còn. Vì vậy, yêu cầu chia thừa kế của bà M là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Phạm Thị K đối với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã H thấy rằng: bà K yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Châu là không có căn cứ như đã phân tích tại mục [2.2] là khi ông Châu chết không có để lại di sản. Ngoài ra, hôn nhân giữa bà K và ông Châu đã thống nhất tự nguyện chấm dứt từ năm 1970. bà K đã lấy chồng khác từ năm 1975 và sinh được 06 người con (người con lớn nhất sinh năm 1977), ông Châu cũng đã lấy vợ khác từ năm 1975 và sinh được 05 người con (người con lớn nhất sinh năm 1977). Do đó, bà K yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Châu, Tòa án chấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Từ những phân tích trên: Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3]. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại tòa là có căn cứ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phùng Thị Tuyết M phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Phạm Thị K được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều

12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 213, Điều 219, Điều 468, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; chia tài sản chung quyền sử dụng đất và vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" với bà Bùi Thị C, bà Phùng Thị D, ông Nguyễn Trung T, bà Phùng Thị L, bà Phùng Thị Kim L, bà Phùng Thị Anh Đ và bà Phùng Thị Hồng T.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Tổng số tiền là 29.500.000 đồng. Bà Phùng Thị Tuyết M và bà Phạm Thị K mỗi người phải chịu 14.750.000 đồng. Do bà M đã nộp 20.000.000 đồng, bà K đã nộp 9.500.000 đồng nên bà K phải nộp tiếp số tiền 5.250.000 đồng để hoàn trả cho bà M.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị K được miễn án phí. Buộc bà Phùng Thị Tuyết M phải nộp 600.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 600.000 đồng theo biên lai số 0009706 ngày 15/02/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đ. Hoàn lại bà Phùng Thị Tuyết M số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai số 0009707 ngày 15/02/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Bà Phùng Thị Tuyết M phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011690 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5.2. Bà Phạm Thị K được miễn án phí.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thiện Tâm – Huỳnh Thị Hồng Vân	**Phùng Thị Cẩm Hồng**